duò dì

跺地

verb · stamp the ground

Example Sentences

tā shēng qì de duò dì
他 生 气地跺地。

He stamped the ground in anger.

hái zi duò dì biǎo shì kàng yì
孩子跺地表示抗议。

The child stamped the ground to protest.

tā duò dì shí fā chū hěn dà de shēng xiǎng
她跺地时发出很大的 声 响 。

When she stamped the ground, it made a loud noise.

Trace each character, then write the word on your own.

跺 跺 跺 跺 跺 跺 跺 跺 跺 跺 跺

跺 跺 跺 跺 跺

地 地 地 地 地 地 地 地 地